|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Biểu TTCS-02.1** | **TỔNG HỢP ĐỊA BÀN**  **MỘT SỐ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**  **TRUYỀN THANH - TRUYỀN HÌNH CẤP HUYỆN** | Đơn vị báo cáo:  Sở TT&TT |  |
|  | Ban hành kèm theo TT  số ...../2022/TT-BTTTT |  |  |
|  | Ngày nhận báo cáo: Trước 05/3 năm tiếp theo | **Năm [[Nam]]** | Đơn vị nhận báo cáo:  Cục TTCS |  |

| **TT** | **Tên đơn vị** | **Mã đơn vị** | **Đơn vị có Cơ sở TT-TH cấp huyện** | **Cơ sở TT-TH đã sáp nhập vào đơn vị sự nghiệp VHTT cấp huyện** | **CƠ SỞ VẬT CHẤT, PHƯƠNG TIỆN, MỨC PHỔ CẬP** | | | | **NHÂN LỰC** | | | | | | | | | | | | | **GHI CHÚ** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Công nghệ phát thanh  (đánh dấu X vào ô phù hợp)** | | | **Tỷ lệ hộ nghe được đài truyền thanh cấp huyện (%)** | **Tổng số người hiện có (7 = 9 +10 +11)** | **Trong đó nữ** | **Tổng số người hiện có phân tổ theo nhóm công việc** | | | **Trình độ, chuyên ngành đào tạo** | | | | | | **Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng trong năm** | |  |
| **Đài có dây** | **Đài không dây FM** | **Đài cả có dây và không dây FM** | **Thực hiện công việc liên quan đến sản xuất nội dung** | **Thực hiện công việc liên quan đến kỹ thuật** | **Công việc khác** | **Đại học trở lên** | | | **Cao đẳng trở xuống** | | |
| **Báo chí,  tuyên truyền** | **Điện tử - Viễn thông, CNTT** | **Ngành khác** | **Báo chí,  tuyên truyền** | **Điện tử-Viễn thông, CNTT,** | **Ngành khác** | **Kỹ năng sản xuất chương trình, biên tập tin, bài** | **Ứng dụng  CNTT, sử dụng thiết bị kỹ thuật** |  |
| **A** | **B** | **C** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** |
|  | **TỈNH** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TỔNG HỢP, LẬP BIỂU**  *(Thông tin người thực hiện)* | **KIỂM TRA BIỂU**  *(Thông tin người thực hiện)* | *..., ngày ... tháng ... năm 20...*  **GIÁM ĐỐC**  *(Ký điện tử)* |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *a) Cách ghi biểu* | | |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | *Trong biểu mẫu này, "TỈNH" là viết gọn đại diện cho đơn vị hành chính cấp tỉnh. Khi lập biểu, Sở TT&TT ghi tên tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương và mã số tương ứng. "Huyện" là viết gọn đại diện cho các đơn vị hành chính cấp huyện. "Huyện" ở đây có thể là quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh.* |
|  | Cột A: Ghi thứ tự các đơn vị hành chính cấp huyện của tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương. |
|  | Cột B: Ghi tên đơn vị hành chính cấp huyện. Lưu ý ghi đầy đủ các đơn vị hành chính cấp huyện thuộc tỉnh. |
|  | Cột C: Ghi mã số đơn vị hành chính cấp huyện tương ứng với đơn vị có tên tại Cột B. Ghi theo bảng Danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam. |
|  | Cách ghi thông tin cho các đơn vị hành chính cấp huyện trên biểu: |
|  | Cột 1: Đánh dấu X nếu đơn vị có tên ở Cột B có cơ sở TT-TH. Để trống nếu đơn vị có tên tại cột B không có cơ sở TT-TH. |
|  | Cột 2: Đánh dấu X nếu cơ sở TT-TH của đơn vị tương ứng có tên tại Cột B đã sáp nhập vào đơn vị sự nghiệp văn hóa, thông tin, du lịch, thể thao cấp huyện. Nếu chưa sáp nhập thì để trống. |
|  | Các Cột 3, 4, 5: Ghi thông tin như cách ghi đã áp dụng tại Cột 2. |
|  | Các cột còn lại : Ghi thông tin tương ứng với đơn vị có tên tại Cột B. |
|  | *Ghi số liệu tổng hợp toàn địa bàn (dòng TỈNH):* |
|  | Các Cột 1, 2, 3, 4, 5: Đếm số ô có đánh dấu X thuộc từng cột, ghi số đếm được lên ô tương ứng. |
|  | Các cột từ Cột 7 đến Cột 19: Cộng giá trị các ô thuộc từng cột, ghi số tổng lên ô tương ứng. |
|  | Cột 6: Ghi thông tin tương ứng là số liệu bình quân gia quyền của các cơ sở TT-TH cấp huyện thuộc tỉnh. Số liệu bình quân gia quyền được tính trên cơ sở số liệu liên quan của đơn vị hành chính cấp huyện thuộc tỉnh. |
| *b) Nguồn số liệu:* | |
|  | Biểu tập hợp tương ứng từ Biểu mẫu TTCS-02 do các Phòng VH&TT cấp huyện đã báo cáo Sở TT&TT và từ dữ liệu hành chính của Sở. |